

**CÔNG TY TNHH KINH DOANH VẬN TẢI MINH ĐỨC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH VẬN TẢI MINH ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH DUC TRANSPORTATION TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH DUC TRANSPORTATION TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108168248

**3. Ngày thành lập:** 22/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 24, Ngõ Đình 10, Thôn Đìa, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                          | 4290        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321        |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                     | 4322        |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                             | 4610        |
| 6.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                         | 5210        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                           | 4210        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                        | 4220        |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                              | 4311        |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                   | 4312        |
| 11. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                    | 5224        |
| 12. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                               | 8130        |
| 13. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                              | 7710        |
| 14. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230        |
| 15. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                               | 8121        |
| 16. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                              | 8129        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                 | 4931(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>-Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>-Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>-Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>-Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                               | 4932 |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.                                                                                                                                                                         | 5229 |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649 |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651 |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652 |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4653 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659 |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cắt chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |



